

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm nhờ lực cầu bắt đáy

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL quay lại đà hồi phục với mức tăng mạnh

[Thông tin doanh nghiệp]

PLX, KBC

[Quan điểm đầu tư]

Tiếp tục duy trì vị thế trung hạn, thực hiện trading quay vòng một phần vị thế ngắn hạn đã mở trở lại khi chỉ số tiến lên vùng kháng cự đã đề cập.

02/02/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,075.53	+3.86
VN30	1,079.70	+4.84
HĐTL VN30F1M	1,092.00	+6.02
HNXIndex	215.36	+3.12
HNX30	312.07	+4.17
UPCoM	71.66	+0.82
USD/VND	23,027	-0.06
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.27	+1
Lãi suất qua đêm (%)	0.69	+47
Dầu (WTI, \$)	54.12	+1.06
Vàng (LME, \$)	1,849.52	-0.61



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,075.53 (+3.86%)
KLGD (triệu CP) 554.9 (-1.2%)
GTGD (triệu US\$) 571.5 (-3.5%)

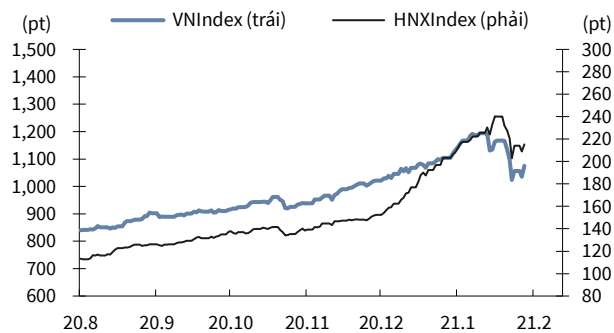
HNXIndex 215.36 (+3.12%)
KLGD (triệu CP) 104.3 (+2.8%)
GTGD (triệu US\$) 60.4 (+12.6%)

UPCoM 71.66 (+0.82%)
KLGD (triệu CP) 27.7 (-16.2%)
GTGD (triệu US\$) 15.8 (-5.5%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +3.6

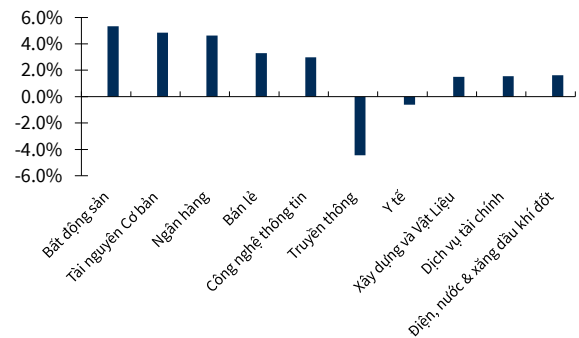
TTCK Việt Nam tăng điểm nhờ lực cầu bắt đáy sau khi Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đề nghị sớm đưa vaccine ngừa COVID-19 đến người dân trong quý 1. Theo số liệu từ tổng cục Thống kê, tháng 1/2021 tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 479.9 nghìn tỷ đồng tăng 6.4% so với cùng kỳ năm trước giúp cổ phiếu ngành bán lẻ tăng giá như MWG (+3.5%), MSN (+2.4%). Cổ phiếu nhóm dầu khí giao dịch tích cực ở PVD (+6.1%), PVS (+5.1%) khi giá dầu tăng nhờ được thúc đẩy bởi đà sụt giảm dự trữ dầu thô tại Mỹ cùng với sự gia tăng nhu cầu nhiên liệu vào mùa đông. Theo Savills tỉ lệ hấp thụ của phân khúc nào cũng đạt mức cao, tương đương 77% trong quý 4/2020, giá bán sơ cấp ghi nhận mức tăng ở tất cả các hạng giúp tăng giá ở nhóm cổ phiếu bất động sản như VIC (+7%), DXG (+6.9%), HDG (+6.2%). Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục mua ròng ở HPG (+5.6%), VNM (+3.6%), VHM (+6.9%).

VNIndex & HNXIndex



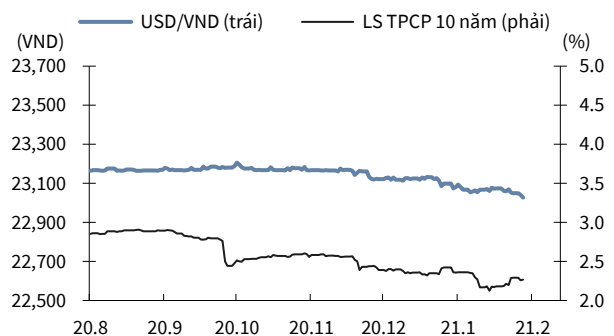
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



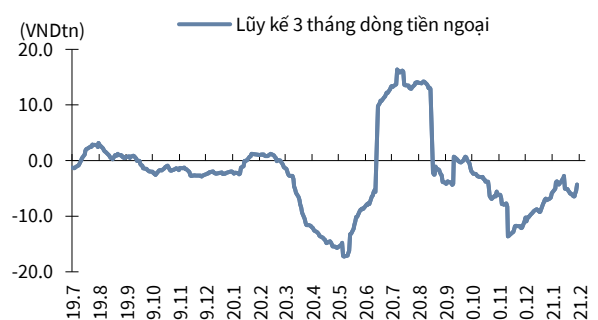
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

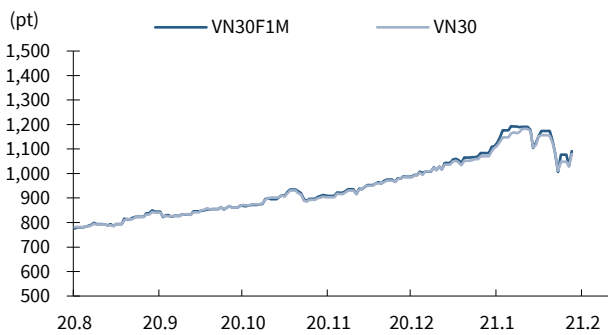
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,079.70 (+4.84%)
VN30F1M	1,092.0 (+6.02%)
Mở cửa	1,039.0
Cao nhất	1,098.6
Thấp nhất	1,031.0

HĐTL quay lại đà hồi phục với mức tăng mạnh, tương đồng với TTCK trong khu vực. Chênh lệch F2102 và VN30 mở cửa ở mức 9.04 và mở rộng dần trong phiên, đóng cửa ở mức 12.30. NĐTNN mua ròng trong phiên hôm nay. Thanh khoản thị trường không có nhiều thay đổi.

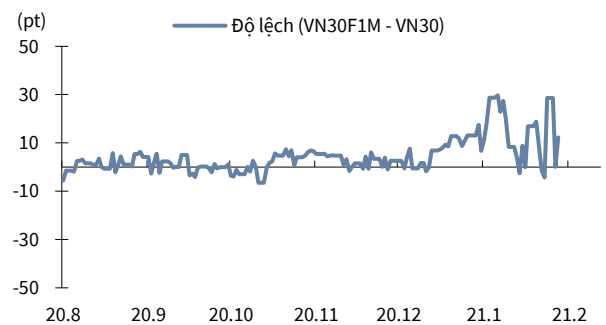
KLGD (HĐ)	239,809 (-1.1%)
------------------	------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



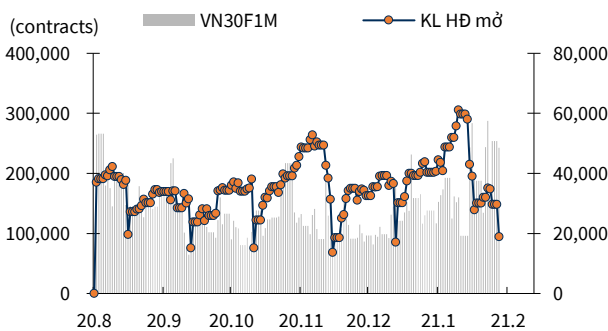
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



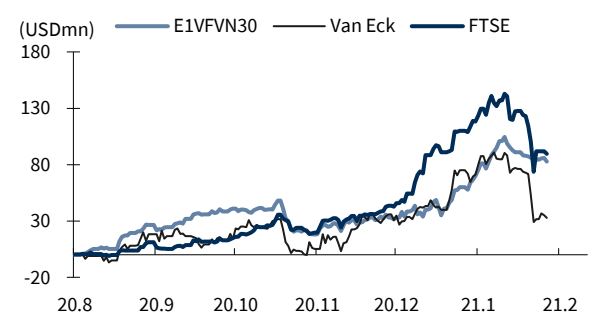
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

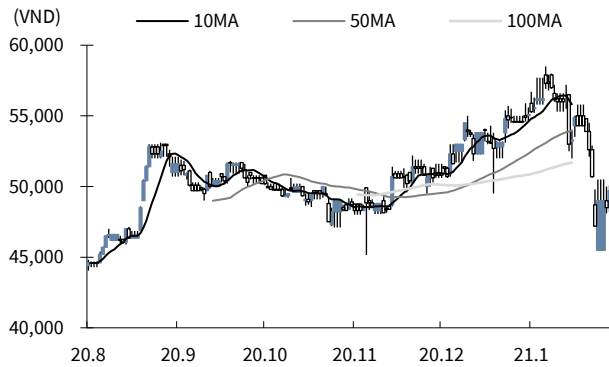
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

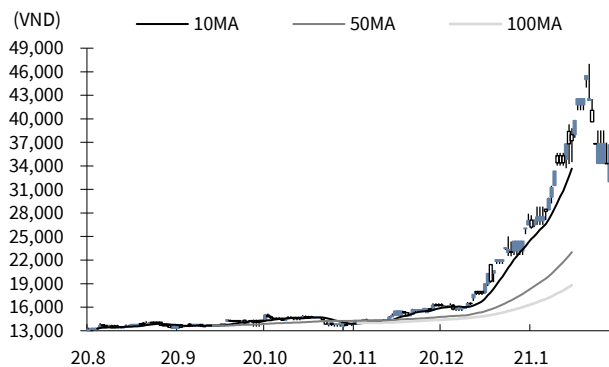
Petrolimex (PLX)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PLX tăng 2.5% lên 49,700 VNĐ/cp.
- PLX công bố kết quả kinh doanh năm 2020 với lợi nhuận đạt 1,235 tỷ đồng (-73.6% YoY) và doanh thu 124,008 tỷ đồng (-34.6% YoY).
- PLX vừa phê duyệt phương án triển khai bán 25 triệu cổ phiếu quỹ để bổ sung nguồn vốn kinh doanh và đầu tư phát triển.

Kinh Bắc (KBC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- KBC tăng 7% lên 36,700 VNĐ/cp.
- KBC công bố báo cáo tài chính quý 4/2020 với lợi nhuận 201 tỷ đồng (-49% YoY) và doanh thu 1,225 tỷ đồng (+69% YoY).
- Đầu năm 2021, KBC được cấp chứng nhận đầu tư dự án nhà máy Fukang Technology của Foxconn Singapore có vốn đăng ký hơn 6,230 tỷ đồng và dự án công nghệ tế bào quang điện Ja Solar PV Việt Nam của Ja Solar Investment có vốn đăng ký 4,848 tỷ đồng.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

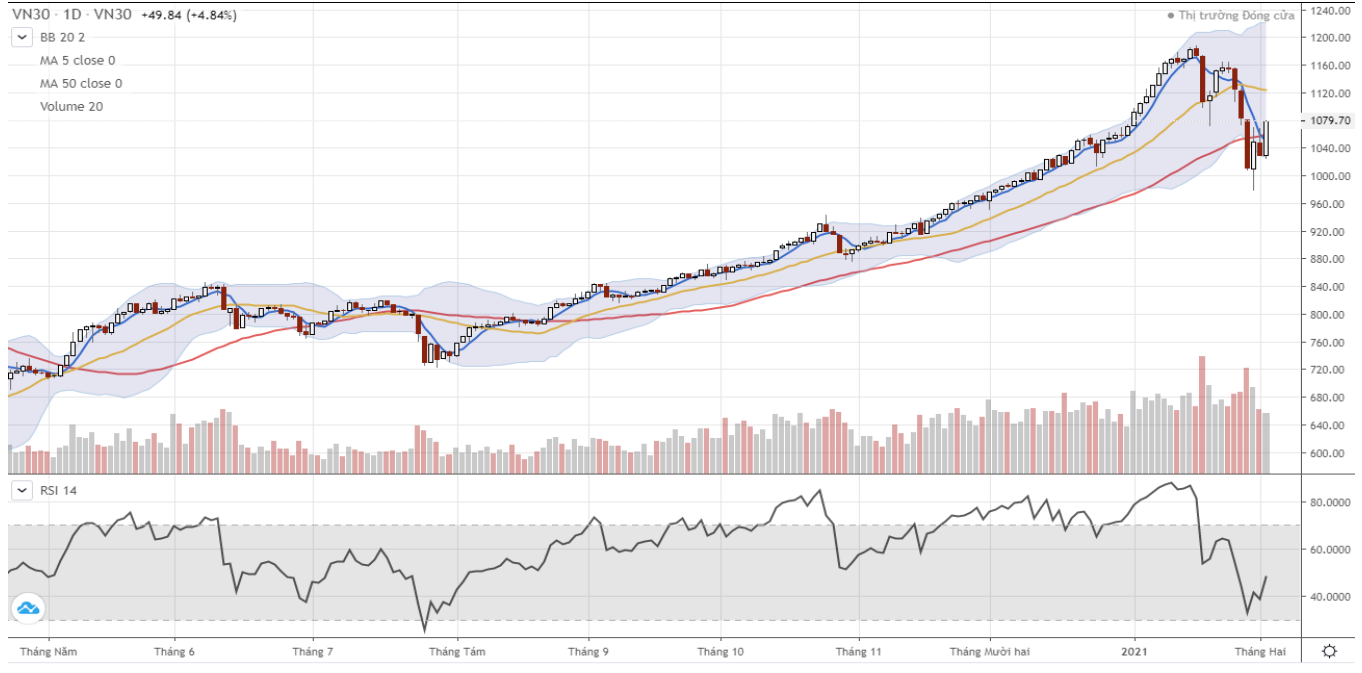
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



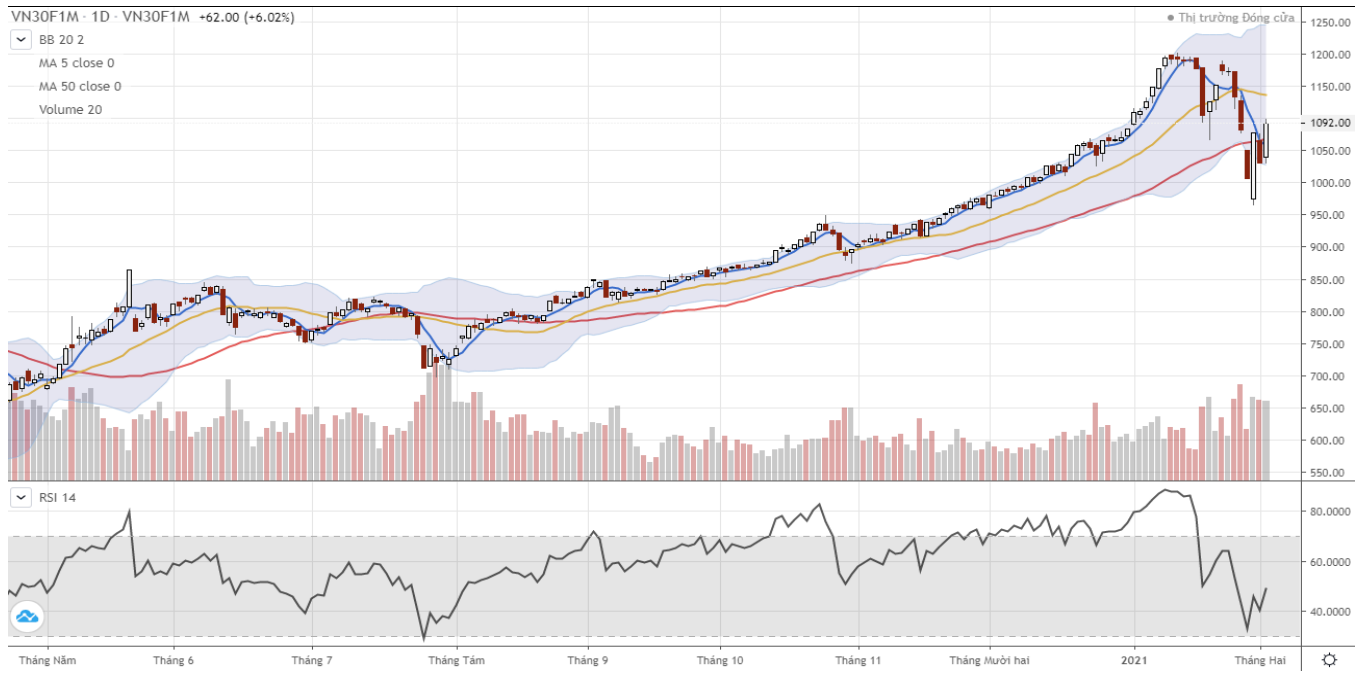
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp rung lắc vào đầu phiên, VNIndex đã lấy lại đà hồi phục và dần mở rộng biên độ về cuối phiên.
- Với diễn biến tăng điểm khá mạnh và dốc, chúng tôi cho rằng chỉ số đang có nhiều cơ hội hướng lên cận trên của vùng kháng cự quanh 1105 (+-10) trước khi gặp phải áp lực rung lắc mạnh hơn.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục duy trì vị thế trung hạn, thực hiện trading quay vòng một phần vị thế ngắn hạn đã mở trở lại khi chỉ số tiến lên vùng kháng cự đã đề cập.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1115 - 1120

Kháng cự gần: 1105-1110

Hỗ trợ gần: 1075 - 1080

Hỗ trợ xa: 1053 - 1058

— Sau nhịp rung lắc vào đầu phiên, F1 đã đảo chiều tăng điểm tích cực với mức tăng gần hết biên độ về cuối phiên.

— Với diễn biến tăng điểm khá mạnh và dốc, chúng tôi cho rằng chỉ số đang có nhiều cơ hội hướng lên cận trên của vùng kháng cự quanh 1100 (+10) trước khi gặp phải áp lực rung lắc mạnh hơn.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Giao dịch linh hoạt 2 chiều tại các vùng hỗ trợ/kháng cự.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Chốt lời 1 phần trạng thái khi chỉ số tiến tới vùng kháng cự đề cập.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

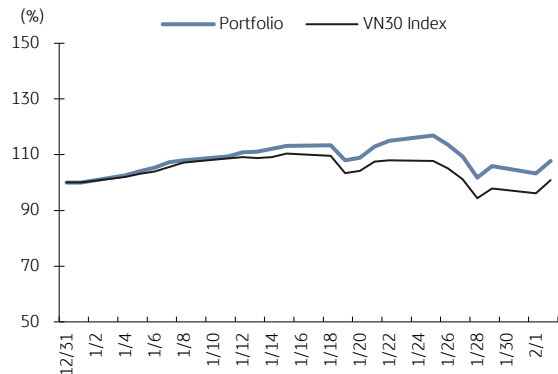
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	4.84%	4.42%
Tăng lũy kế (YTD)	0.83%	7.78%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 02/02/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	128,000	3.5%	10.4%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	32,050	0.2%	31.1%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	81,500	3.4%	6.3%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	23,350	6.1%	37.4%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế hệ thống vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	53,500	6.8%	57.4%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	66,000	3.9%	97.1%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	33,900	5.9%	38.9%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	76,500	1.7%	4.2%	- Hướng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	40,500	5.6%	107.2%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbác City Development (KBC)	09/03/2020	36,700	7.0%	167.9%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hướng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	5.6%	31.1%	152.7
VNM	3.6%	57.7%	120.1
VHM	6.9%	22.2%	97.3
KBC	7.0%	19.3%	89.3
VIC	7.0%	14.0%	17.0

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VRE	6.5%	31.4%	-54.1
HSG	3.9%	11.4%	-44.5
MSN	2.4%	32.1%	-37.8
NVL	0.5%	7.1%	-37.6
BID	0.6%	17.3%	-37.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCS	2.3%	3.5%	0.9
TNG	0.0%	3.7%	0.6
MAS	1.8%	10.6%	0.6
BAX	2.0%	7.7%	0.5
PVG	2.3%	0.7%	0.4

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	7.6%	9.2%	-2.1
PVS	5.1%	10.1%	-1.9
ART	7.0%	5.1%	-1.5
BVS	3.4%	14.1%	-1.2
TAR	2.2%	0.7%	-0.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Y tế	-2.4%	OPC, PME
Bất động sản	-2.6%	VIC, HPX
Xây dựng và Vật Liệu	-2.7%	VGC, PC1
Công nghệ thông tin	-3.0%	ITD, FPT
Bán lẻ	-3.7%	DGW, CMV

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	-18.5%	DCM, DPM
Truyền thông	-15.4%	YEG, PNC
Dịch vụ tài chính	-12.5%	SSI, VCI
Ô tô và phụ tùng	-10.5%	TCH, DRC
Bảo hiểm	-9.5%	BVH, BMI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng cá nhân & Gia dụng	5.8%	TCM, STK
Công nghệ thông tin	4.4%	FPT, SGT
Ô tô và phụ tùng	2.7%	TCH, DRC
Bán lẻ	2.7%	MWG, ABS
Bất động sản	1.3%	NVL, BCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-17.1%	BVH, BMI
Hóa chất	-17.0%	DPM, DCM
Dịch vụ tài chính	-15.7%	SSI, VCI
Truyền thông	-15.7%	YEG, PNC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-13.4%	GAS, POW

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)					
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD		
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	105,900	358,199 (15,556)	138,522 (6.0)	22.7	43.4	30.4	11.1	8.5	11.1	3.4	3.1	7.0	4.3	-2.1	-2.1		
	VHM	VINHOMES JSC	94,400	310,530 (13,485)	287,886 (12.5)	26.8	9.9	8.5	37.1	30.8	28.2	2.7	2.1	6.9	-3.7	5.5	5.5		
	VRE	VINCOM RETAIL JS	31,950	72,601 (3,153)	266,769 (11.6)	17.6	23.2	17.6	-7.6	10.6	12.3	2.4	2.2	6.5	-	13.6	1.8	1.8	
	NVL	NO VA LAND INVES	80,500	85,648 (3,719)	362,179 (15.7)	31.2	19.9	16.9	6.4	13.5	13.7	2.6	2.2	0.5	-0.6	23.4	23.4		
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	30,550	17,072 (741)	50,177 (2.2)	11.2	13.7	8.5	17.7	15.1	21.2	2.0	1.7	2.2	-	12.2	4.3	4.3	
	DXG	DAT XANH GROUP	19,500	10,107 (439)	205,305 (8.9)	13.8	9.3	6.6	-	15.2	18.2	1.3	1.1	6.8	-	11.4	22.3	22.3	
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	96,500	357,907 (15,543)	114,352 (5.0)	6.3	18.2	14.3	17.8	19.3	20.7	3.1	2.6	5.9	-4.4	-1.4	-1.4		
	BID	BANK FOR INVESTM	39,350	158,266 (6,873)	97,065 (4.2)	12.7	17.0	11.3	4.9	12.2	15.4	1.8	1.6	0.6	-7.5	-	17.8	-17.8	
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	34,000	119,167 (5,175)	594,282 (25.8)	0.0	9.2	7.9	14.4	16.4	16.2	1.4	1.2	5.6	-2.9	7.9	7.9		
	CTG	VIETNAM JS COMM	33,900	126,223 (5,482)	378,897 (16.4)	1.3	9.7	7.5	61.0	14.8	15.8	1.3	1.1	5.9	-1.7	-1.9	-1.9		
	VPB	VIETNAM PROSPERI	33,150	81,375 (3,534)	206,932 (9.0)	0.0	7.6	6.8	18.8	18.5	17.2	1.3	1.1	6.9	-2.1	2.0	2.0		
	MBB	MILITARY COMMERC	23,350	65,351 (2,838)	511,663 (22.2)	0.0	6.9	5.7	14.6	18.4	18.9	1.2	1.0	6.1	-8.8	2.5	2.5		
	HDB	HDBANK	23,200	36,975 (1,606)	140,752 (6.1)	4.0	6.9	6.0	23.4	19.0	18.5	1.2	1.0	4.5	-5.3	-2.3	-2.3		
	STB	SACOMBANK	17,150	30,933 (1,343)	650,416 (28.2)	13.7	13.8	10.4	32.4	8.4	9.9	1.0	0.9	6.5	-5.2	1.5	1.5		
	TPB	TIEN PHONG COMME	25,300	26,101 (1,133)	95,929 (4.2)	0.0	7.2	6.1	37.5	19.9	19.7	1.3	1.1	3.9	-5.2	-5.6	-5.6		
EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,500	21,515 (934)	17,328 (0.8)	0.0	28.8	22.8	27.3	4.4	5.3	1.2	1.2	0.0	-6.9	-9.1	-9.1			
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	54,700	40,605 (1,763)	70,370 (3.1)	20.8	26.0	22.7	15.2	8.2	8.6	1.9	1.8	2.2	-9.6	-	17.1	-17.1	
	BMI	BAOMINH INSURANC	24,200	2,211 (096)	25,146 (1.1)	14.1	11.7	9.6	8.4	9.4	11.1	0.9	0.9	2.5	11.7	-	20.9	-20.9	
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	27,800	16,653 (723)	441,101 (19.1)	55.0	14.3	12.7	0.0	11.6	12.0	-	-	3.7	-	-	13.1	16.0	-16.0
	VCI	VIET CAPITAL SEC	48,500	8,032 (349)	92,156 (4.0)	72.6	10.4	-	-4.0	15.5	-	-	-	1.9	-	-	14.3	16.7	-16.7
	HCM	HO CHI MINH CITY	25,600	7,809 (339)	180,958 (7.8)	51.1	14.7	-	-19.0	14.6	-	-	-	2.2	-	-	14.1	18.5	-18.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	23,000	4,796 (208)	159,781 (6.9)	27.2	-	-	36.7	11.2	-	-	-	5.0	-	-	11.9	23.3	-23.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	106,400	222,338 (9,656)	337,126 (14.6)	42.4	19.5	18.0	4.0	39.1	38.1	6.9	6.0	3.6	-0.3	-2.2	-2.2		
	SAB	SAIGON BEER ALCO	179,000	114,789 (4,985)	38,550 (1.7)	36.9	22.0	18.6	7.3	24.7	26.1	4.9	4.4	3.5	-5.8	-8.2	-8.2		
	MSN	MASAN GROUP CORP	84,000	98,673 (4,285)	226,057 (9.8)	16.9	37.3	24.4	-51.9	9.7	14.2	2.9	2.7	2.4	-	12.0	-5.5	-5.5	
	HNG	HOANG ANH GIA LA	10,650	11,806 (513)	148,780 (6.5)	48.7	-	-	-	-	-	-	-	1.9	-	16.1	26.8	-26.8	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	129,700	67,942 (2,951)	88,401 (3.8)	11.1	31.2	20.7	-88.3	14.1	18.3	4.2	3.6	3.3	-1.0	3.8	3.8		
	GMD	GEMADEPT CORP	27,700	8,348 (363)	136,623 (5.9)	10.8	18.5	13.9	-57.3	7.5	9.5	1.3	1.2	-0.2	-	14.0	15.0	-15.0	
	CII	HO CHI MINH CITY	20,650	4,932 (214)	62,946 (2.7)	39.9	10.2	6.8	78.0	8.9	12.0	0.9	0.8	2.7	-5.7	-3.5	-3.5		
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,880	2,202 (096)	99,666 (4.3)	46.2	-	-	-89.3	-	-	-	-	-7.0	-	20.5	53.4	53.4	
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	19,150	9,230 (401)	181,410 (7.9)	37.5	11.0	6.8	-13.3	12.4	17.5	-	-	1.6	-	10.9	14.9	-14.9	
	CTD	COTECCONS CONSTR	68,000	5,188 (225)	104,016 (4.5)	3.5	9.4	9.4	-43.9	6.5	6.6	0.6	0.6	-1.3	-	14.1	12.5	-12.5	
	REE	REE	53,500	16,534 (718)	36,831 (1.6)	0.0	9.8	8.7	-4.5	14.0	13.7	1.3	1.2	6.8	0.2	9.3	9.3		

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)					
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD		
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	76,500	146,417 (6,358)	95,542 (4.1)	46.1	18.1	15.0	-15.4	16.9	22.5	3.0	2.9	1.7	-8.2	-	11.7	-11.7	
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,550	6,779 (294)	21,094 (0.9)	31.2	10.0	8.4	-10.5	16.9	20.3	1.6	1.6	1.5	-3.9	-4.3	-	-4.3	
	PPC	PHA LAI THERMAL	24,800	7,951 (345)	14,873 (0.6)	34.0	9.5	9.5	-5.3	13.0	14.3	1.3	1.3	0.8	-	11.9	1.4	1.4	
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	40,500	134,188 (5,827)	997,872 (43.3)	18.0	9.2	8.2	31.5	22.1	21.7	2.0	1.6	5.6	-4.3	-2.3	-	-2.3	
	DPM	PETROVIETNAM FER	15,100	5,909 (257)	54,432 (2.4)	36.2	9.2	10.4	6.1	8.9	7.5	0.7	0.7	-1.3	-	-	-	-19.7	
	DCM	PETRO CA MAU FER	11,800	6,247 (271)	54,535 (2.4)	46.0	14.5	13.6	-4.3	7.8	8.2	1.0	1.0	-1.3	-	-	-	-15.7	
	HSG	HOA SEN GROUP	22,850	10,152 (441)	226,465 (9.8)	37.7	8.8	7.9	67.9	16.2	14.8	1.3	1.2	3.9	-9.1	3.2	-	3.2	
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,500	2,772 (120)	53,378 (2.3)	97.0	7.5	8.0	41.5	12.5	10.6	0.8	0.8	2.5	-	-	-	-	-13.2
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	49,700	60,575 (2,631)	55,451 (2.4)	4.5	18.4	15.7	-49.7	15.3	16.4	2.4	2.4	2.5	-5.5	-9.0	-	-9.0	
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,500	7,370 (320)	236,272 (10.2)	39.7	55.1	19.8	-11.9	0.9	2.8	0.6	0.6	6.1	-9.6	8.0	-	8.0	
	PVT	PETROVIET TRANSP	15,400	4,984 (216)	114,916 (5.0)	35.6	9.4	8.7	-0.1	10.4	10.3	0.8	0.8	3.4	-	13.5	10.0	10.0	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	128,000	59,741 (2,594)	185,563 (8.0)	0.0	11.5	9.2	13.7	28.3	29.2	3.0	2.5	3.5	-3.0	7.7	-	7.7	
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	81,500	18,537 (805)	56,207 (2.4)	0.0	15.3	12.1	7.0	23.1	23.8	3.2	2.5	3.4	-4.1	0.6	-	0.6	
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	38,700	1,211 (053)	3,467 (0.2)	70.6	11.9	9.1	-	8.5	10.2	1.0	0.9	-4.8	-	-	-	-	-16.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	24,200	1,911 (083)	63,748 (2.8)	30.9	17.2	11.4	-75.2	9.2	13.4	1.5	1.5	-0.8	-	-	-	-	-24.4
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	57,200	7,751 (337)	74,600 (3.2)	34.9	8.1	14.5	41.1	32.6	16.9	2.3	2.4	1.6	-	-	-	-	-9.2
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	98,100	12,826 (557)	2,344 (0.1)	45.3	16.8	16.3	10.7	20.3	19.7	3.1	2.9	-1.9	-3.8	-5.7	-	-5.7	
	PME	PYMEPHARCO JSC	75,000	5,626 (244)	187 (0.0)	11.7	-	-	1.7	-	-	-	-	0.0	3.7	-2.0	-	-2.0	
IT	FPT	FPT CORP	66,000	51,738 (2,247)	162,002 (7.0)	0.0	12.9	11.0	15.5	25.4	27.1	2.8	2.6	3.9	0.0	11.7	-	11.7	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh

anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu

hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.